TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 7 – 2024.
V/v: "*Xin ly hôn.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Hùng

Bà Trần Thị Minh Hiền

- ***Thư ký Phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2024 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị D, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã TB, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Trần Hoàng K, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã TA, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Vào năm 1998, bà và ông Trần Hoàng K do quen biết, sau thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân A, huyện Cờ Đỏ (cũ), thành phố Cần Thơ vào ngày 08/4/2004. Thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2005 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng K.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần Thị V, nữ, sinh năm 1997 và Trần Tuấn K, nam, sinh năm 1999. Tất cả đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Trần Hoàng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, bị đơn vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Phan Thị D có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Hoàng K nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp xin ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Hoàng K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị D và ông Trần Hoàng K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Theo bà D trình bày thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã sống ly thân từ năm 2005. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trần Hoàng K tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông K vắng mặt, không có văn bản ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà D, xem như ông K không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân giữa bà D và ông K đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị D.

[4] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần Thị V, nữ, sinh năm 1997 và Trần Tuấn K, nam, sinh năm 1999. Tất cả đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà Phan Thị D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị D ly hôn ông Trần Hoàng K.

3. Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần Thị V, nữ, sinh năm 1997 và Trần Tuấn K, nam, sinh năm 1999. Tất cả đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà Phan Thị D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Phan Thị D đã nộp theo biên lai thu số 0007720 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí nên bà D không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS huyện Thới Lai;
- THA huyện Thới Lai;
- UBND xã Trường Xuân A;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Phan Nguyễn Minh Trí